
Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra thủy sản

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,*

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng của Thanh tra thủy sản

Thanh tra thủy sản được tổ chức ở Trung ương thuộc Bộ Thủy sản và ở địa phương thuộc Sở Thủy sản hoặc Sở có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nhà nước về thủy sản; thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về thủy sản.

Điều 2. Đối tượng của Thanh tra thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản.
2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia các hoạt động thủy sản tại Việt Nam. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra thủy sản

1. Hoạt động Thanh tra thủy sản phải tuân theo pháp luật, đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.
2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, trưởng đoàn thanh tra, thanh tra viên phải tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thanh tra và quy định của Nghị định này; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

CHƯƠNG II
TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA THỦY SẢN

Điều 4. Các cơ quan Thanh tra thủy sản

1. Các cơ quan Thanh tra thủy sản gồm:

- a) Cơ quan Thanh tra thủy sản thuộc Bộ Thủy sản, gọi tắt là Thanh tra Bộ;
- b) Cơ quan Thanh tra thủy sản thuộc Sở Thủy sản, gọi tắt là Thanh tra Sở.

Đối với các Sở có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nhà nước về thủy sản thì Thanh tra thủy sản nằm trong cơ cấu tổ chức của Thanh tra Sở.

2. Thanh tra Bộ và Thanh tra Sở có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 5. Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Thủy sản, giúp Bộ trưởng Bộ Thủy sản quản lý nhà nước về công tác thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thủy sản.

Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Thủy sản, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, các Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra. Phó Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ.

3. Thanh tra Bộ có các Phòng trực thuộc do Bộ trưởng Bộ Thủy sản quyết định thành lập.

4. Bộ trưởng Bộ Thủy sản quyết định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và biên chế của Thanh tra Bộ căn cứ đặc thù chuyên ngành thủy sản.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 54, Điều 55 Luật Thủy sản và Điều 25 Luật Thanh tra.

2. Quản lý hoạt động của thanh tra chuyên ngành thủy sản; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra viên, cộng tác viên Thanh tra thủy sản.

3. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Thanh tra thủy sản trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật khác do Bộ trưởng giao.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về công tác thanh tra, các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Bộ.

5. Trung tập Thanh tra viên của các Sở, yêu cầu cơ quan, đơn vị liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các đoàn thanh tra.

6. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thi hành hoặc hủy bỏ các quy định trái với văn bản pháp luật của nhà nước hoặc trái với các văn bản pháp luật chuyên ngành thủy sản do Bộ Thủy sản ban hành.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 26 Luật Thanh tra.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra đối với Thanh tra Bộ; chỉ đạo, hướng dẫn công tác và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Sở.

3. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

4. Kiến nghị với Bộ trưởng phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết việc trùng lặp giữa các đoàn thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ.

5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ.

6. Kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra; kiểm tra trách nhiệm của Giám đốc các Sở trong việc tổ chức, chỉ đạo các hoạt động thanh tra chuyên ngành.

7. Báo cáo Bộ trưởng và Tổng Thanh tra về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Điều 8. Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở là cơ quan của Sở, có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở.

Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Sở, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về công tác và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

2. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, các Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh; Phó Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Sở.

3. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành thủy sản của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể về tổ chức, biên chế và hoạt động của Thanh tra chuyên ngành thủy sản theo hướng dẫn của Bộ Thủy sản và Bộ Nội vụ.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 54, Điều 55 Luật Thủy sản và Điều 28 Luật Thanh tra.

2. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về công tác thanh tra, các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Sở.

3. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các đoàn thanh tra.

4. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái với các văn bản pháp luật của nhà nước hoặc trái với các văn bản pháp luật chuyên ngành thủy sản do Bộ Thủy sản ban hành.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 29 Luật Thanh tra.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra đối với Thanh tra Sở.

3. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của Thanh tra Sở trình Giám đốc Sở quyết định và tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch đó.

4. Kiến nghị với Giám đốc Sở phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh giải quyết việc trùng lặp giữa các đoàn thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở.

5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Sở.

6. Kiểm tra trách nhiệm Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra.

7. Báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG III THANH TRA VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA THỦY SẢN

Điều 11. Thanh tra viên thủy sản

1. Thanh tra viên thủy sản là công chức nhà nước được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Thanh tra viên thủy sản phải đáp ứng tiêu chuẩn chung của thanh tra viên quy định tại Điều 31 Luật Thanh tra và các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

3. Thanh tra viên thủy sản có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 40 và Điều 50 Luật Thanh tra.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, chế độ chính sách đối với Thanh tra viên thủy sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Cộng tác viên Thanh tra thủy sản

1. Trong hoạt động thanh tra, các cơ quan Thanh tra thủy sản được quyền trưng tập cộng tác viên.

2. Cộng tác viên Thanh tra thủy sản là người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra, được trưng tập để thực hiện các cuộc thanh tra hoặc được trưng tập theo hình thức hợp đồng lao động để thường trực tại một số địa bàn nhất định thực hiện một số nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành do cơ quan thanh tra thủy sản phân công.

Cộng tác viên thanh tra được trưng tập thường trực tại địa bàn nhất định phải được đào tạo nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành.

3. Tiêu chuẩn, chế độ, trách nhiệm của cộng tác viên Thanh tra thủy sản, việc trưng tập cộng tác viên Thanh tra thủy sản thực hiện theo quy định của pháp luật về cộng tác viên thanh tra và quy định của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

CHƯƠNG IV HOẠT ĐỘNG THANH TRA THỦY SẢN

Điều 13. Hoạt động thanh tra hành chính

Nội dung, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra hành chính thực hiện theo quy định từ Điều 34 đến Điều 44 Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.

Điều 14. Nội dung hoạt động thanh tra chuyên ngành

Thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đối với việc chấp hành các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện sản xuất kinh doanh và các quy định khác của pháp luật về hoạt động thủy sản, bao gồm:

1. Các quy định về quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
2. Các quy định về quản lý tàu cá, đăng ký, đăng kiểm tàu cá, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động.
3. Các quy định về quản lý nuôi trồng thủy sản.
4. Các quy định về quản lý công tác thú y thủy sản.
5. Các quy định về quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thủy sản.
6. Các quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh các ngành nghề thủy sản.
7. Các quy định khác của pháp luật liên quan đến hoạt động thủy sản thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra thủy sản.

Điều 15. Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra chuyên ngành

1. Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định từ Điều 45 đến Điều 52 Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.
2. Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

CHƯƠNG V
TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU, CẤP HIỆU, CỜ HIỆU,
CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG
THANH TRA THỦY SẢN

Điều 16. Trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu

1. Thanh tra thủy sản được cấp trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu riêng.

Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân không thuộc lực lượng Thanh tra thủy sản sử dụng trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cờ hiệu của Thanh tra thủy sản hoặc sử dụng trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu tương tự gây nhầm lẫn với Thanh tra thủy sản.

2. Bộ trưởng Bộ Thủy sản thống nhất với Tổng Thanh tra quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức, mẫu và màu sắc trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu của Thanh tra thủy sản.

Điều 17. Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Thanh tra thủy sản được trang bị trụ sở làm việc, phương tiện tuần tra, phương tiện thông tin liên lạc, công cụ hỗ trợ, vũ khí để tự vệ và các trang thiết bị kỹ thuật khác phục vụ cho công tác thanh tra.

2. Bộ trưởng Bộ Thủy sản quy định cụ thể về định mức trang bị kỹ thuật; phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định về trang bị, quản lý và sử dụng công cụ hỗ trợ và vũ khí.

Điều 18. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Thanh tra thủy sản do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc cấp phát, quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Thủy sản hướng dẫn về cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động của Thanh tra thủy sản.

CHƯƠNG VI
TRÁCH NHIỆM VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG
THANH TRA THỦY SẢN

Điều 19. Trách nhiệm Thủ trưởng của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản

1. Bộ trưởng Bộ Thủy sản có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra thủy sản trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; kiện toàn tổ chức Thanh tra Bộ; thường xuyên chỉ đạo và đảm bảo các điều kiện hoạt động cho Thanh tra Bộ; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ.

2. Giám đốc Sở Thủy sản, Sở có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nhà nước về thủy sản có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiện toàn tổ chức Thanh tra Sở; thường xuyên chỉ đạo và đảm bảo điều kiện hoạt động cho Thanh tra Sở; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Sở.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 8, Điều 53 và Điều 54 Luật Thanh tra.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 21. Mối quan hệ phối hợp trong hoạt động Thanh tra thủy sản

1. Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ; có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Sở; hướng dẫn hoặc chủ trì tổ chức các cuộc thanh tra liên Sở; hướng dẫn, kiểm tra về công tác thanh tra nội bộ.

2. Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về công tác và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ; có trách nhiệm cử Thanh tra viên tham gia các cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ tổ chức hoặc tổ chức các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Bộ.

3. Các cơ quan Thanh tra thủy sản trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan công an, biên phòng, cảnh sát biển, thanh tra chuyên ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thủy sản.

4. Các cơ quan công an, biên phòng, cảnh sát biển, thanh tra chuyên ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Thanh tra thủy sản trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thủy sản.

CHƯƠNG VII
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động Thanh tra thủy sản được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Người nào cản trở, đưa hối lộ, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, tố cáo sai sự thật, vi phạm pháp luật về thanh tra; người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra hoặc vì động cơ cá nhân hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm mà xử lý vi phạm, kết luận không đúng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra thủy sản thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

**CHƯƠNG VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ Quyết định số 415/TTg ngày 10 tháng 8 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Quyết định số 443/TTg ngày 08 tháng 8 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Điều 13 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản ban hành kèm theo Quyết định số 415/TTg ngày 10 tháng 8 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(đã ký)**

Phan Văn Khải